

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LT
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HS-ST
Ngày 31 - 10 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Ông Nguyễn Tiến Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Vũ Anh D, sinh ngày 25/7/2005; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định và bà Vũ Thị M; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2023 cho đến nay (có mặt).

+ Bị hại: Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ1, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

- Cháu Phạm Phúc A1, sinh ngày 05/6/2006 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Phúc A1: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1982 và chị Phạm Quỳnh L, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn Đ2, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 30/7/2023, Vũ Anh D, sinh ngày 25/7/2005 cư trú thôn Đ, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc do không có tiền tiêu sài cá nhân nên nảy sinh ý định lừa mượn xe mô tô của chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1982 (là chị gái ruột của mẹ D) ở cùng thôn mục đích để chiếm đoạt đem bán lấy tiền tiêu sài. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 30/7/2023, D một mình đi bộ đến nhà chị H (ở cạnh nhà) hỏi mượn của chị H 01 chiếc xe mô tô BKS 88D1-437.60 nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu sơn: Đỏ - đen, D nói dối với chị H là cho mượn xe để đi tìm việc làm và hẹn đi một lúc rồi về trả xe nên chị H tin tưởng và giao chiếc xe mô tô BKS 88D1-437.60 cho D mượn, lúc này giấy đăng ký xe chị H vẫn giữ không đưa D. Sau khi mượn được xe D nghĩ nếu bán xe mà có giấy đăng ký xe sẽ bán được giá cao nên chưa bán xe ngay mà điều khiển xe mô tô về để tại nhà. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, D tiếp tục đi bộ sang nhà chị H nói dối chị H cho D mượn giấy tờ xe để đi lên thị trấn Lập Thạch xin việc vì sợ xe không có giấy tờ sẽ bị Công an phạt và hẹn 13 giờ 30 phút cùng ngày D sẽ mang xe về trả chị H, nghe D nói vậy chị H tin tưởng đưa giấy đăng ký xe, giấy bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe mô tô trên và giấy chứng minh thư nhân dân của chị H cho D. Sau khi có giấy đăng ký xe thì D gọi điện thoại cho anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 2000, cư trú thôn L, xã Đ1, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc hỏi có mua xe không, xe có giấy tờ đầy đủ thì anh Tuấn A đồng ý mua và hẹn gặp sẽ trao đổi mua bán. Đồng thời D gọi điện báo Phạm Phúc A1, sinh ngày: 05/6/2006, cư trú ở thôn Đ2, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc là bạn D điều khiển xe máy điện đi cùng. Sau đó, D và Phúc A1 đi đến quán nước thuộc địa phận xã Đ1, huyện TD thì gặp Tuấn A, D cho Tuấn A xem xe và giấy đăng ký xe, Tuấn A đồng ý mua, thỏa thuận giá xe là 10.000.000 đồng và lấy một giấy bán, cho, tặng xe cho D viết. D viết giấy tờ mua bán xong, Tuấn A thanh toán 10.000.000 đồng cho D, do không đủ tiền mặt nên Tuấn A đưa cho D 5.500.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 4.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Phúc A, D nói Phúc A1 cho gửi nhờ ở đó. Nhận đủ tiền, D giao xe và đăng ký xe cho Tuấn A rồi đi về. Trên đường về, D bảo Phúc A1 rút tiền trả D, Phúc A1 đã đưa cho D 4.500.000 đồng rồi Phúc A1 đi về nhà còn D do lo sợ về nhà sẽ bị phát hiện nên D bỏ trốn, số tiền có được do bán xe mô tô D đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 31/7/2023, chị H không thấy D về trả xe như đã hẹn, biết D đã lừa bán xe nên đã trình báo cơ quan công an.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ Nguyễn Tuấn A 01 chiếc xe mô tô BKS 88D1- 437.60 nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave RSX, màu sơn: Đỏ - đen và 01 Giấy đăng ký xe mô tô BKS 88D1-437.60 mang tên Vũ Thị Thu H.

Tại Bản kết luận định giá số 45/KL-HĐĐG ngày 01/8/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện LT kết luận: “01 xe mô tô BKS 88D1-437.60 tại thời điểm định giá có giá trị 18.000.000 đồng”.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê tài khoản số 0962100444 của Phạm Phúc A1 mở tại ngân hàng TMCP Quân đội (MB), qua nghiên cứu sao kê thấy phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong vụ án.

Đối với Phạm Phúc A1 là người đi cùng D đến gặp Tuấn A trao đổi mua bán xe và là người cho D mượn tài khoản để Tuấn A chuyển tiền. Quá trình điều tra xác định, trước, trong và sau khi D lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị H, D không bàn bạc và trao đổi gì với Phúc A1, Phúc A1 không biết nguồn gốc xe trên do D phạm tội mà có và không được hưởng lợi ích vật chất gì từ sự việc trên nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Phúc A1 là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Tuấn A là người mua xe mô tô của D, quá trình điều tra xác định, khi mua bán xe mô tô BKS 88D1-437.60 với D, Tuấn A không biết xe mô tô trên là do D phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Tuấn A là có căn cứ.

** Vật chứng thu giữ:*

- 01 xe mô tô BKS 88D1-437.60 và 01 đăng ký xe mô tô trên, cơ quan điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Vũ Thị Thu H, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H là đúng chủ sở hữu.

- Đối với 01 giấy giấy bán, cho, tặng xe giữa D và anh Tuấn A ghi ngày 30/7/2023 là tài liệu chứng minh tội phạm cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại của D quá trình bỏ trốn D đã đánh rơi, rơi ở đâu D không xác định được và 01 giấy bảo hiểm xe mô tô BKS 88D1-437.60, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Vũ Thị Thu H sau khi bán xe thì D đã vứt bỏ, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Đối với chị Vũ Thị Thu H là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS 88D1-437.60, chị H đã nhận được xe nên không yêu cầu D phải bồi thường bất cứ chi phí gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho D.

Đối với anh Nguyễn Tuấn A là người mua chiếc xe mô tô của D với giá 10.000.000 đồng, Tuấn A đề nghị D phải trả lại 10.000.000 đồng cho Tuấn A, D đồng ý nhưng đến nay D vẫn chưa trả được số tiền nào cho Tuấn A.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Anh D đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên.

Bị hại chị Vũ Thị Thu H có mặt tại phiên tòa xác nhận đã nhận lại tài sản, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Phạm Phúc A1 vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại Cáo trạng số 94/CT-VKSLT ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LT truy tố bị cáo Vũ Anh D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị tuyên bố bị cáo Vũ Anh D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị xử phạt Vũ Anh D từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 01/8/2023. Do Vũ Anh D không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật

Bị cáo D không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện LT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Vũ Anh D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Khoảng 9 giờ 30 phút đến 11h30 phút ngày 30/7/2023, Vũ Anh D, sinh ngày 25/7/2005, cư trú thôn Đ, xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc đã có hành vi lừa mượn của chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1982 ở cùng thôn 01 chiếc xe mô tô cùng giấy đăng ký xe mô tô BKS 88D1-437.60 sau đó chiếm đoạt và bán cho anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 2000, cư trú thôn L, xã Đ1, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 10.000.000 đồng rồi bỏ trốn tiêu sài cá nhân hết. Trị giá chiếc xe mô tô là 18.000.000 đồng.

[3] Hành vi nêu trên của Vũ Anh D đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, bị cáo cũng nhận thức được hành vi gian dối, chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục là cần thiết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với Phạm Phúc A1 là người đi cùng D đến gặp Tuấn A trao đổi mua bán xe và là người cho D mượn tài khoản để Tuấn A chuyển tiền. Quá trình điều tra xác định, trước, trong và sau khi D lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị H, D không bàn bạc và trao đổi gì với Phúc A1, Phúc A1 không biết nguồn gốc xe trên do D phạm tội mà có và không được hưởng lợi ích vật chất gì từ sự việc trên nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Phúc A1 là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Tuấn A là người mua xe mô tô của D, quá trình điều tra xác định, khi mua bán xe mô tô BKS 88D1-437.60 với D, Tuấn A không biết xe mô tô trên là do D phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Tuấn A là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô BKS 88D1-437.60 và 01 đăng ký xe mô tô trên, cơ quan điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Vũ Thị Thu H, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H là đúng chủ sở hữu. Chị H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với 01 giấy bán, cho, tặng xe giữa D và anh Tuấn A ghi ngày 30/7/2023 là tài liệu chứng minh tội phạm cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại của D quá trình bỏ trốn D đã đánh rơi, rơi ở đâu D không xác định được và 01 giấy bảo hiểm xe mô tô BKS 88D1-437.60, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Vũ Thị Thu H sau khi bán xe thì D đã vứt bỏ, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Tuấn A yêu cầu D phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng là số tiền anh đã mua chiếc xe mô tô. D đồng ý trả cho anh Tuấn A số tiền trên, nên cần buộc D phải bồi thường cho anh Tuấn A số tiền 10.000.000 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo Vũ Anh D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Anh D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Anh D 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 01/8/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 và 357 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Vũ Anh D phải bồi thường cho anh Nguyễn Tuấn A số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên người phải thi hành án không trả được thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Vũ Anh D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án

vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện LT;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Công an huyện LT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS,VP, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân

